TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **42**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2019
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản và đòi tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Nguyễn Thị Diền.

2. Ông Đặng Hoàng Mơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Hồng P, sinh năm: 1994; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lương Tuấn V, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Hồng P trình bày:

- *Về hôn nhân*: Sau một thời gian tự tìm hiểu đến năm 2018 chị và anh V được gia đình 2 bên thống nhất tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Phong. Chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng

không phù hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay xét thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn nên không thể tiếp tục chung sống vì vậy chị P xin được ly hôn với anh Lương Tuấn V.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị có được 01 đứa con chung tên là Lương Phúc K sinh ngày 12/02/2019, hiện nay con đang chung sống với chị P. Khi ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Tại đơn khởi kiện chị P xác định vợ chồng có tài sản chung là 14 chỉ vàng 24 kara loại 98% (Trong đó 08 chỉ vàng 24 kara loại 98% do ngày cưới gia đình bên chồng cho và 06 chỉ vàng 24 kara loại 98% trong thời gian chung sống vợ chồng dành dụm tiền mua) do mẹ chồng là bà Huỳnh Thị N cất giữ. Chị P yêu cầu bà N trả lại cho vợ chồng chị 14 chỉ vàng 24 kara loại 98% và yêu cầu chia đôi số vàng trên và yêu cầu được nhận 07 chỉ vàng 24 kara loại 98%.

Tại phiên tòa chị P xác định chỉ yêu cầu chia đôi 06 chỉ vàng 24kara loại 98% do vợ chồng tự dành dụm tiền mua được và hiện nay anh V đang quản lý, chị yêu cầu nhận 03 chỉ, giao anh V nhận 03 chỉ và yêu cầu anh V giao lại cho chị 03 chỉ mà chị được nhận. Chị P xin rút yêu cầu đối với việc đòi bà Huỳnh Thị N trả lại cho vợ chồng chị số vàng 14 chỉ vàng 24 kara loại 98% và không yêu cầu chia 08 chỉ vàng 24k loại 98% là số vàng chung ngày cưới bên chồng cho.

- *Về nợ chung*: Chị P xác định vợ chồng không có nợ chung.

* *Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 15/8/2019 anh Lương Tuấn V trình bày*: Anh V và chị P kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Phong, vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do chị P bỏ về bên nhà cha mẹ vợ ở, anh V đã nhiều lần kêu về nhưng chị P không về nên vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay Chị P xin ly hôn anh V không đồng ý ly hôn, anh có nguyện vọng được hàn gắn để vợ chồng cùng lo cho con. Nếu trường hợp chị P cương quyết ly hôn thì anh V đồng ý ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Lương Phúc K sinh ngày 12/02/2019, giới tính nam, hiện nay con đang chung sống với chị P nếu ly hôn thì anh đồng ý tiếp tục giao con cho chị P tực tiếp nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh V xác định hiện tại anh đang quản lý số vàng là tài sản chung của vợ chồng là 14 chỉ vàng 24 kara loại 98%, anh không đồng ý chia số tài sản

chung cho chị P mà anh giữ lại sau này cho con là Lương Phúc K.

- *Về nợ chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng không thiếu nợ ai.

* *Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 15/8/2019 bà Hùỳnh Thị N trình bày*: Bà N là mẹ ruột của anh Lương Tuấn V, là mẹ chồng của chị Ngô Hồng P. Bà N xác định số vàng là tài sản chung của anh V, chị P là do anh V đang cất giữ, bà không có quản lý nên bà không thể giao trả được cho vợ chống anh V. Bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, người liên quan chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh V là đúng quy định, bà N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà N. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị P được ly hôn với anh V. Về con chung, đề nghị giao cháu Lương Phúc K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị P về việc yêu cầu chia đôi số vàng 06 chỉ vàng 24 kara, vàng do anh V đang quản lý nên đề nghị buộc anh V phải giao trả cho chị P 03 chỉ vàng 24 kara. Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét. Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Lương Hồng P về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả lại cho vợ chồng anh chị số vàng 14 chỉ vàng 24 kara và đình chỉ yêu cầu chia 08 chỉ vàng 24kara là số vàng bên chồng cho chung trong ngày cưới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Lương Tuấn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Bà Huỳnh Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của anh anh V, bà N không làm ảnh

hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V và bà N.

Nguyên đơn chị P yêu cầu ly hôn với bị đơn anh V và có yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu chia tài sản chung và đòi tài sản. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và đòi tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2**] *Nội dung vụ án*:

[**2.1**] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị P và anh V xác lập quan hệ hôn nhân năm 2018, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn và anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Nay chị P cương quyết yêu cầu ly hôn nhưng anh V không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không đến Tòa án để Tòa án tiến hành hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình như nguyện vọng của anh, anh cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 tháng 2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đươc. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh V.

[**2.2**] *Về con chung*: Theo lời trình bày của chị P và anh V và theo giấy khai sinh có cơ sở xác định trong thời gian chung sống, anh V và chị P có 01 người con chung tên Lương Phúc K, giới tính nam, sinh ngày 12/02/2019; hiện con đang sống chung với chị P, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị P là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con được đảm bảo, có chính quyền địa phương xác nhận nên chị P đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con, hơn nữa cháu Phúc K hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi và anh V cũng

thống nhất giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 *(quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn)* của Luật hôn nhân và gia đình 2014, Ghi nhận sự thỏa thuận của anh V, chị P giao cháu Lương Phúc K, giới tính nam, sinh ngày 12/02/2019 cho chị Ngô Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[**2.3**] *Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn*: Chị P không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**2.4**] *Về tài sản chung*: Chị P xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 06 chỉ vàng 24 kara loại 98% và chị P xác định hiện tại anh V đang quản lý. Chị yêu cầu được chia số tài sản chung là 06 chỉ vàng 24 kara loại 98%, chị P xin nhận 03 chỉ vàng 24 kara loại 98%, thống nhất giao cho anh V 03 chỉ vàng 24 kara loại 98%. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu chia tài sản chung của chị P phù hợp theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận chia cho chị Phúc 03 chỉ vàng 24 kara loại 98%, anh V 03 chỉ vàng 24kara loại 98%. Buộc anh Lương Tuấn V giao cho chị Ngô Hồng P 03 chỉ vàng 24 kara loại 98%.

Anh V xác định vợ chồng có được 14 chỉ vàng 24kara là tài sản chung nhưng anh không đồng ý chia theo yêu cầu của chị P mà anh giữ để lại sau này cho con là cháu Lương Phúc K. Hội đồng xét xử thấy rằng số tài sản trên là tài sản chung của anh V và chị P trong thời kỳ hôn nhân nên nay ly hôn thì P có quyền yêu cầu nhận số tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Anh V muốn để lại tài sản cho con thì anh chỉ có quyền quyết định đối với phần tài sản của anh được nhận, anh không có quyền quyết định phần tài sản thuộc về chị P. Từ những căn cứ đó nên việc anh V trình bày lý do để không chia số tài sản chung cho chị Phúc là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ đối với yêu cầu của chị Lương Hồng P về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả lại cho vợ chồng anh chị số vàng 14 chỉ vàng 24 kara loại 98% và yêu cầu chia 08 chỉ vàng 24kara loại 98% là số vàng chung bên chồng cho trong ngày cưới.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3**] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn chị Ngô Hồng P chịu toàn bộ.

Án phí chia tài sản chung: Án phí chia tài sản chung 5% tương ứng số tài sản anh V, chị P được nhận.Tính thời điểm xét xử vàng 24kara loại 98 % có giá là: 4.100.000 đồng. Nên số tiền án phí 5% là: [{(03 chỉ vàng 24k) x 4.100.000 đồng} = 12.300.000 đồng x 5%] = 615.000 đồng. Chị P phải chịu án phí 615.000 đồng, anh Lương Tuấn V phải chịu án phí 615.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - *Về hôn nhân*: Chị Ngô Hồng P được ly hôn với anh Lương Tuấn V.

2 - *Về con chung*: Giao cháu Lương Phúc K, giới tính nam, sinh ngày 12/02/2019 cho chị Ngô Hồng P tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật)*.

3 - *Về tài sản chung*: Giao cho anh Lương Tuấn V 03 chỉ vàng 24 kara loại 98%, giao cho chị Ngô Hồng P 03 chỉ vàng 24 kara loại 98%, hiện anh V đang quản lý số vàng trên. Buộc anh Lương Tuấn V giao cho chị Ngô Hồng P 03 chỉ vàng 24 kara loại 98%.

Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Lương Hồng P về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả lại cho vợ chồng anh chị số vàng 14 chỉ vàng 24 kara loại 98% và yêu cầu chia 08 chỉ vàng 24kara loại 98% bên chồng cho chung trong ngày cưới.

4 - *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Ngô Hồng P chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm và án phí chia tài sản chung sơ thẩm là 615.000 đồng. Tổng cộng án phí chị P phải chịu là 915.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0000244 ngày 17/7/2019 và số tiền 700.000 đồng theo biên

lai 0000246 ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Chị P được nhận lại số tiền 85.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn anh Lương Tuấn V phải chịu án phí 615.000 đồng.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự".

5 - Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/9/2019); bị đơn anh Lương Tuấn V và người liên quan bà Huỳnh Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)